

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-8-2024
V/v Tranh chấp ly hôn và nghĩa vụ
trả nợ chung của vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Chiếu

Bà Hoàng Thị Hồng Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- Bị đơn: Bà Lương Thị S, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N1. Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Thành Phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc Ngân hàng N1. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Việt C1 - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, tỉnh Lạng Sơn (theo quyết định số: 2665/QĐ-NHNo-PC, ngày 01/12/2022).

Người được ủy quyền lại: Ông Hoàng Xuân V1 – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, tỉnh Lạng

Son (theo Văn bản ủy quyền số: 216/QĐ-NHNo-PC.ĐL, ngày 01/10/2023), có mặt.

2. Ngân hàng C3. Địa chỉ: Số A phố L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc Ngân hàng C3. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C3, tỉnh Lạng Sơn.

Người được ủy quyền lại: Ông Lương Cao C2 – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C3, tỉnh Lạng Sơn (theo Văn bản ủy quyền số: 58/QĐ-NHCS, ngày 10/6/2024), có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Bích H (Nguyễn Bích H1), sinh năm 1981;

2. Bà Mã Thị L, sinh năm 1972;

3. Bà Phùng Thị N, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;

4. Ông Đinh Hải L1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày:

Ông Nguyễn Xuân C kết hôn với bà Lương Thị S và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào năm 1991. Trước khi kết hôn vợ chồng ông Nguyễn Xuân C được tự do tìm hiểu nhau rồi mới đi đến kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không do ai ép buộc, dối lừa. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ông Nguyễn Xuân C sinh sống với gia đình bố, mẹ ông Nguyễn Xuân C tại khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn và cuộc sống chung của vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình và con cái, đến năm 2000 thì vợ chồng ông Nguyễn Xuân C đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là hai vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau. Việc mâu thuẫn của vợ chồng ông Nguyễn Xuân C tuy chưa được chính quyền địa phương hòa giải, nhưng gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải rất nhiều lần nhưng vẫn không được. Tuy hai vợ chồng ông Nguyễn Xuân C vẫn sống chung cùng một nhà, nhưng việc ai người đó làm, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng được thể hiện khi bà Lương Thị S xé áo dùng tay bóp bộ hạ ông Nguyễn Xuân C nhưng không bóp được; có lần ông Nguyễn Xuân C cùng bạn bè đi hát tại phòng trà Ngọc H2 khi ông Nguyễn Xuân C đang hát song ca cùng một người phụ nữ khác, thì bà Lương Thị S lên sân khấu túm cổ áo và lôi ông Nguyễn Xuân C xuống khỏi sân khấu không cho ông Nguyễn Xuân C hát song ca cùng người

phụ nữ khác, sau đó lôi ông Nguyễn Xuân C ra ngoài sân quán hát định đánh nhưng không đánh được do có mọi người can ngăn. Nay ông Nguyễn Xuân C xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Nguyễn Xuân C được ly hôn với bà Lương Thị S.

Về con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân C có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992; Nguyễn Cảnh H3, sinh năm 1993 và Nguyễn Cảnh Y, sinh năm 2003, các con đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên khi ly hôn ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: Đất rừng diện tích 02 ha tại khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, mua với ông Đặng Văn T2, sinh năm 1971, địa chỉ khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, hiện nay đất vẫn đứng tên ông Đặng Văn T2, ông Nguyễn Xuân C xác định là tài sản chung của 02 vợ chồng vì đất mua hết 300.000.000 đồng, vợ chồng vay Ngân hàng Nông nghiệp 200.000.000 đồng, 50.000.000 đồng là tiền 02 vợ chồng tích góp có được, còn 50.000.000 đồng hiện nay vợ chồng chưa trả cho ông Đặng Văn T2, khi nào làm xong thủ tục chuyển nhượng vợ chồng ông Nguyễn Xuân C mới trả. Đất ở diện tích 500,4m² tại khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân ông Nguyễn Xuân C là người sử dụng đất, đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Xuân C do bố mẹ ông Nguyễn Xuân C chia cho ông Nguyễn Xuân C đất ở hiện nay là quán H4, khu G, thị trấn Đ, huyện Đ sau đó ông Nguyễn Xuân C bán đất đó đi lấy tiền mua đất này. Đất trồng cây lâu năm, diện tích khoảng 200m², tại khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân ông Nguyễn Xuân C là người sử dụng đất, đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Xuân C do bố mẹ ông Nguyễn Xuân C chia cho ông Nguyễn Xuân C đất ở hiện nay là quán H4, thị trấn Đ, huyện Đ sau đó ông Nguyễn Xuân C bán đất đó đi lấy tiền mua đất này. Về các loại tài sản như trên, ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Vợ chồng có vay nợ Ngân hàng N1, vay tại Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn với số tiền là 200.000.000 đồng đã trả 90.000.000 đồng, còn nợ 110.000.000 đồng. Vay Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay 100.000.000 đồng đã trả được 5.000.000 đồng còn nợ 95.000.000 đồng, vay chương trình trồng rừng dành cho đối tượng vay là cựu chiến binh, đứng tên ông Nguyễn Xuân C vay, vay khoảng từ năm 2016 – 2017. Khi ly hôn ông Nguyễn Xuân C đề nghị vợ chồng cùng có trách trả nợ vì tài sản chưa chia.

Ngoài ra khi mua đất với ông Đặng Văn T2, sinh năm 1971, địa chỉ khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, hiện nay đất vẫn đứng tên ông Đặng Văn T2 mua hết 300.000.000 đồng, vợ chồng mới trả được 250.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng vợ chồng ông Nguyễn Xuân C chưa trả cho ông Đặng Văn T2, khi nào làm xong thủ tục chuyển nhượng vợ chồng ông Nguyễn Xuân C mới trả. Do phần tài sản chưa

yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy ông Nguyễn Xuân C đề nghị không đưa ông Đặng Văn T2 tham gia tố tụng trong vụ án.

Bị đơn bà Lương Thị S trình bày: Bà Lương Thị S kết hôn với ông Nguyễn Xuân C và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 01 tháng 11 năm 1991. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu nhau rồi mới đi đến kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống với gia đình nhà chồng tại khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống chung của vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình, con cái, vợ chồng luôn chung sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì; đến năm 1995 vợ chồng ra ở riêng và sinh sống tại khu G, thị trấn Đ, năm 1998 lại quay về khu F, thị trấn Đ mua đất, làm nhà sinh sống từ đó cho đến nay. Hiện nay hai vợ chồng vẫn sống chung cùng một nhà, vẫn ăn uống với nhau, nhưng bắt đầu từ tháng 02/2024 đến nay vợ chồng bà Lương Thị S mới không ngủ chung giường với nhau, nguyên nhân do ông Nguyễn Xuân C có người phụ nữ khác nên tự ý không ngủ cùng với bà Lương Thị S. Ông Nguyễn Xuân C cho rằng vợ chồng chính thức sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay là không đúng, từ năm 2021 đến nay vợ chồng ngủ riêng để thoải mái, tự do hơn. Bà Lương Thị S biết ông Nguyễn Xuân C có quan hệ với người phụ nữ khác, bà Lương Thị S có can ngăn thì ông Nguyễn Xuân C giơ tay lên định đánh bà Lương Thị S, bà Lương Thị S có gạt tay làm rách áo ông Nguyễn Xuân C, do bực mình bà Lương Thị S có được vứt chặn của vợ chồng ra sân, không được vứt quần áo của ông Nguyễn Xuân C như ông Nguyễn Xuân C trình bày. Bà Lương Thị S có được đến phòng trà Ngọc H2 khi ông Nguyễn Xuân C đang hát song ca với người phụ nữ khác, bà Lương Thị S có được lên sân khấu kéo cổ áo ông Nguyễn Xuân C lôi xuống khỏi sân khấu không cho hát song ca cùng với người phụ nữ đó. Ngoài những sự việc như đã trình bày vợ chồng bà Lương Thị S không có mâu thuẫn gì khác. Nay bà Lương Thị S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hai vợ chồng vẫn rất thương yêu nhau, nhưng ông Nguyễn Xuân C yêu cầu được ly hôn với bà Lương Thị S, bà Lương Thị S cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà Lương Thị S có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992; Nguyễn Cảnh H3, sinh năm 1993; Nguyễn Cảnh Y, sinh năm 2003 cả 03 con đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung gồm có: Như ông Nguyễn Xuân C trình bày là đúng, mặc dù các tài sản đứng tên ông Nguyễn Xuân C nhưng đều là tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn do ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu giải quyết nên bà Lương Thị S cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về khoản nợ chung, cho vay chung: Vợ chồng có vay nợ Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn với số tiền là 200.000.000 đồng và vay Ngân

hàng C3 số tiền vay 100.000.000 đồng, vay chương trình trồng rừng dành cho đối tượng vay là cựu chiến binh, đứng tên ông Nguyễn Xuân C vay. Khi ly hôn bà Lương Thị S cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng, như ý kiến của các Ngân hàng. Ngoài ra khi mua đất với ông Đặng Văn T2, sinh năm 1971, địa chỉ khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn mua hết 300.000.000 đồng, vợ chồng mới trả được 250.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng vợ chồng bà Lương Thị S chưa trả cho ông Đặng Văn T2, khi nào làm xong thủ tục chuyển nhượng vợ chồng bà Lương Thị S mới trả. Do phần tài sản chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy bà Lương Thị S đề nghị không đưa ông Đặng Văn T2 tham gia tố tụng trong vụ án.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N1: Ông Hoàng Xuân V1 – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 8406-LAV-20230079, ngày 11/9/2023 hiện nay còn nợ 110.000.000 đồng, Ngân hàng N1 yêu cầu ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng vay cho Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C3: Ông Lương Cao C2 – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C3 trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S vay Ngân hàng C3, hợp đồng tín dụng số 40/2022/HĐ-TD, ngày 26/4/2022 số tiền vay 100.000.000 đồng, hiện nay nợ gốc còn nợ 95.000.000 đồng, vay chương trình trồng rừng dành cho đối tượng vay là cựu chiến binh, đứng tên ông Nguyễn Xuân C vay. Khi ly hôn yêu cầu ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng vay cho Ngân hàng.

Con chung là anh Nguyễn Cảnh Y khai: Anh Nguyễn Cảnh Y sinh ra được bố mẹ cho đi học hành đầy đủ, đến năm 2021 học hết phổ thông, tháng 02/2022 anh tham gia nghĩa vụ Công an, đến tháng 02/2024 anh hoàn thành nghĩa vụ Công an nhân dân, hiện nay anh đang sinh sống cùng với bố mẹ tại khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, bản thân anh có đủ sức khỏe để lao động tự nuôi sống bản thân không cần ai nuôi, không cần ai cấp dưỡng. Về quan hệ hôn nhân giữa bố mẹ anh: Anh Nguyễn Cảnh Y xác định từ khi biết nhận thức được những vấn đề cơ bản của cuộc sống gia đình anh thấy cuộc sống chung của bố mẹ anh sống với nhau rất hạnh phúc, cùng nhau chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình và con cái, bố mẹ luôn chung sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì. Hiện nay bố mẹ anh vẫn sống chung cùng một nhà, vẫn ăn uống với nhau, giữa bố và mẹ anh từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì, bố anh vẫn ăn ở cùng mẹ và anh, cùng nhau đi lao động, sản xuất chung cho gia đình, không có sự tách biệt làm ăn riêng. Về tài sản chung của bố mẹ như bố mẹ anh trình bày là đúng, anh xác định bản thân không có đóng gì vào khối tài sản chung của bố mẹ nên anh không có yêu cầu gì. Về nợ chung do bố mẹ anh vay, anh không biết nên

không có ý kiến gì.

Người làm chứng bà Nguyễn Bích H khai: Bà là em gái ruột của ông Nguyễn Xuân C và là em chồng của bà Lương Thị S, giữa hai người này bà không có mâu thuẫn gì với nhau. Bà không biết cụ thể, chỉ nghe dư luận hàng xóm nói ông Nguyễn Xuân C có người phụ nữ khác ở ngoài, còn người nào cụ thể thì không biết, bà được bà Lương Thị S cho biết thỉnh thoảng ông Nguyễn Xuân C không ngủ ở nhà. Trước tết nguyên đán vào khoảng hơn 22 giờ không nhớ ngày tháng cụ thể bà Lương Thị S có đăng tin lên nhóm Zalo gia đình thể hiện tâm trạng không được bình tĩnh nội dung ông Nguyễn Xuân C có người phụ nữ bên ngoài nhưng không xác định được cụ thể người nào, nghe nói con gái ông Nguyễn Xuân C dùng điện thoại gọi cho ông Nguyễn Xuân C nhưng không liên lạc được. Từ trước tới nay bà thấy ông Nguyễn Xuân C với bà Lương Thị S chung sống hòa thuận hạnh phúc, bà không được biết việc vợ chồng ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S xé áo, ném chăn ra ngoài sân.

Người làm chứng ông Đinh Hải L1 khai: Ông có quan hệ với ông Nguyễn Xuân C là do quen biết khi ông làm xây dựng công trình ở gần nhà ông Nguyễn Xuân C, với Lương Thị S ông chỉ biết là vợ ông Nguyễn Xuân C ngoài ra không có quan hệ gì, giữa hai người này ông không có mâu thuẫn gì với nhau. Vào khoảng 21 giờ 30 phút tối, ông không nhớ ngày tháng năm 2024 khi ông với ông Nguyễn Xuân C, bà Mã Thị L, bà Phùng Thị N đang ngồi uống nước ở phòng trà Ngọc H2, tại xã Đ thì có vợ ông Nguyễn Xuân C là bà Lương Thị S đến phòng trà cùng nhau ngồi uống nước, khoảng 5 đến 10 phút đến lượt bài hát đã đăng ký trước, ông Nguyễn Xuân C cùng bà Mã Thị L lên sân khấu hát song ca, trong khi đang hát song ca bà Lương Thị S có nói với ông là để bà Lương Thị S lên sân khấu kéo ông Nguyễn Xuân C xuống không cho hát với bà Mã Thị L, ông ngăn cản bà Lương Thị S lại, không cho lên nhưng không ngăn được, bà Lương Thị S vẫn lên sân khấu túm áo lôi ông Nguyễn Xuân C xuống dưới và lôi ra ngoài sân, được mọi người can ngăn nên không xảy ra đánh nhau, sau đó mọi người cùng giải tán đi về.

Người làm chứng bà Mã Thị L khai: Bà có quan hệ với ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S là hàng xóm với nhau, giữa hai người này bà không có mâu thuẫn gì với nhau. Vào khoảng 21 giờ 30 phút tối, bà không nhớ ngày tháng năm 2024 khi bà với ông Nguyễn Xuân C, Đinh Hải L1, bà Phùng Thị N đang ngồi uống nước ở phòng trà Ngọc H2, tại xã Đ thì có vợ ông Nguyễn Xuân C là bà Lương Thị S đến phòng trà cùng nhau ngồi uống nước, khoảng 5 đến 10 phút đến lượt bài hát do bà đã đăng ký trước, ông Nguyễn Xuân C cùng với bà lên sân khấu hát song ca, trong khi đang hát song ca bà Lương Thị S lên sân khấu túm cổ áo ông Nguyễn Xuân C lôi xuống dưới và lôi ra ngoài sân, khi đó bà vẫn một mình hát trên sân khấu, sau đó mọi người cùng giải tán đi về. Vì ông Nguyễn Xuân C là Công an viên còn bà làm Chi hội t, Chi hội phụ nữ khu 6, thị trấn Đ nên giữa bà với ông Nguyễn Xuân C có lúc làm việc cùng nhau liên quan đến công tác xã hội ngoài ra không có quan hệ nào khác.

Người làm chứng bà Phùng Thị N khai: Bà có quan hệ với ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S là hàng xóm với nhau, giữa hai người này bà không có mâu thuẫn gì với nhau. Vào khoảng 21 giờ 30 phút tối, bà không nhớ ngày tháng năm 2024 khi bà với ông Nguyễn Xuân C, bà Mã Thị L, ông Đinh Văn L2 đang ngồi uống nước ở phòng trà Ngọc H2, tại xã Đ thì có vợ ông Nguyễn Xuân C là bà Lương Thị S đến phòng trà cùng nhau ngồi uống nước, khoảng 5 đến 10 phút đến lượt bài hát bà Mã Thị L đã đăng ký trước, ông Nguyễn Xuân C cùng bà Mã Thị L lên sân khấu hát song ca, trong khi đang hát song ca bà Lương Thị S có lên sân khấu túm cổ áo ông Nguyễn Xuân C kéo ông Nguyễn Xuân C xuống dưới và lôi ra ngoài sân, lúc đó bà đang ngồi uống nước không ra sân nên không biết ở ngoài đó hai vợ chồng làm gì, sau đó mọi người cùng giải tán đi về. Giữa bà với ông Nguyễn Xuân C không có quan hệ gì khác chỉ đơn thuần quan hệ hàng xóm với nhau.

Tại Công văn số 117/UBND, ngày 19/6/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ chung xác định: Ông Nguyễn Xuân C với bà Lương Thị S không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và chung sống với nhau như vợ chồng, có 03 người con chung là Nguyễn Thị T1, Nguyễn Cảnh H3 và Nguyễn Cảnh Y đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân. Ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S có một khoản vay nợ chung tại Ngân hàng C3, về tài sản chung hiện nay có một ngôi nhà chung do vợ chồng tạo lập, ngoài ra còn có một số mảnh đất chung do hai vợ chồng tạo lập trong thời gian chung sống với nhau.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn và con chung, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S; về con

chung, khi ly hôn các con đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí nhưng ông Nguyễn Xuân C tự nguyện chịu thay bà Lương Thị S vì vậy ông Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000 đồng án phí đề sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và vay nợ chung, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không khai có vay Ngân hàng Chính sách xã hội, đến trước ngày mở phiên tòa Tòa án mới xác định được vợ chồng có vay Ngân hàng Chính sách xã hội, nên đã bổ sung Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 01 tháng 11 năm 1991 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, việc kết hôn là tự nguyện không ai bị ép buộc nên được coi là hôn nhân hợp pháp; sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó quá trình chung sống vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau, hai vợ chồng chung sống cùng một nhà nhưng không có tình cảm vợ chồng, không tôn trọng nhau; do gen tuông vô cơ nên khi ông Nguyễn Xuân C đang hát song ca cùng với bà Mã Thị L tại phòng trà Ngọc H2 là nơi sinh hoạt công cộng có nhiều người cùng có mặt, bà Lương Thị S đã lên sân khấu túm cổ áo ông Nguyễn Xuân C lôi xuống dưới sân khấu và lôi ra ngoài sân và có lần đã vứt chần chung của hai vợ chồng ra ngoài sân, như vậy là xúc phạm ông Nguyễn Xuân C, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông Nguyễn Xuân C. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân C. Nhưng tại phiên tòa bà Lương Thị S tự nguyện đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữ ông Nguyễn Xuân C với bà Lương Thị S.

[4] Về con chung, ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992; Nguyễn Cảnh H3, sinh năm

1993 và Nguyễn Cảnh Y, sinh năm 2003 đều đã trưởng thành, khi ly hôn ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Vay nợ chung: Vợ chồng có vay nợ Ngân hàng N1, vay tại Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, Hợp đồng vay số 8406-LAV-20230079, ngày 11/9/2023 với số tiền là 200.000.000 đồng đến nay còn nợ 110.000.000 đồng và vay Ngân hàng C3, Hợp đồng tín dụng số 40/2022/HĐ-TD, ngày 26/4/2022 số tiền vay 100.000.000 đồng hiện nay còn nợ 95.000.000 đồng. Khi ly hôn ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S cùng xác định hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Đối với khoản nợ ông Đặng Văn T2, sinh năm 1971, địa chỉ khu F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn số tiền 50.000.000 đồng để mua đất làm xong thủ tục chuyển nhượng, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị không đưa ông Đặng Văn T2 tham gia tố tụng nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C và bị đơn bà Lương Thị S thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí, nhưng ông Nguyễn Xuân C tự nguyện chịu án phí thay cho bà Lương Thị S nên ông Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 01/11/1991 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Cả 03 con chung đều đã trưởng thành. Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

3. Về tài sản chung : Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về vay nợ chung:

- Ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N1, vay tại Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn với số tiền là 110.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng số 8406-LAV-20230079, ngày 11/9/2023.

Ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C3, vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C3, tỉnh Lạng Sơn với số tiền vay 95.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng số 40/2022/HĐ-TD, ngày 26/4/2022.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân C và bà Lương Thị S phải chịu mỗi người 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng ông Nguyễn Xuân C tự nguyện chịu án phí thay cho bà Lương Thị S nên ông Nguyễn Xuân C phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng áp phí để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận ông Nguyễn Xuân C đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0002785, ngày 12/4/2024, tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập;
- Các đương sự;
- UBND xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Chung